

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 23-3-2022  
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hợp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Việt Thắng;

Ông Nguyễn Vũ Bằng.

**-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Cẩm Hương – Thư ký  
tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 487/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Huỳnh Ngọc T** – sinh năm 1970. Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Minh D** – sinh năm 1966. Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2021 và các tài liệu trong quá trình tố tụng, chị Nguyễn Huỳnh Ngọc T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh D sống chung năm năm 1986, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời theo quy định pháp luật, hiện vợ chồng chị đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: Có 03 người con chung Trần Ngọc T - sinh năm 1987, Trần Ngọc T– sinh năm 1989 và Trần Thiện Đ – sinh năm 1997, các con chung hiện đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định sẽ tự thỏa thuận với anh D, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Trần Minh D đúng theo quy định pháp luật nhưng anh D không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Trần Minh D có nơi cư trú tại khóm 1, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Huỳnh Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Trần Minh D nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T là người khởi kiện, anh D là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự chị T là nguyên đơn, anh D là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh D đã được tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh D theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh chị tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào năm 2002 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện anh chị đã ly thân nhau. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh D và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Trường hợp nếu cho các bên tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Chị T xác định giữa chị và anh D có 03 người con chung Trần Ngọc T - sinh năm 1987, Trần Ngọc T – sinh năm 1989 và Trần Thiện Đ – sinh năm 1997, hiện con chung đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định sẽ tự thỏa thuận với anh D, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, anh D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Huỳnh Ngọc T về việc yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh D.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Huỳnh Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, chị có nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004259 ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, chị Nguyễn Huỳnh Ngọc T không phải nộp tiếp.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### ***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn Sông Đốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Hợp**